

**TCVN**

**TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**

**TCVN 12360:2018**

**ASEAN STAN 27:2012**

Xuất bản lần 1

**BÍ ĐỒ QUẢ TƯƠI**

*Pumpkin*

**HÀ NỘI - 2018**

**Lời nói đầu**

TCVN 12360:2018 hoàn toàn tương đương với ASEAN STAN 27:2012;

TCVN 12360:2018 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC/F10 *Rau quả và sản phẩm rau quả* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

## Bí đỏ quả tươi

*Pumpkin*

### 1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho các giống bí đỏ thương phẩm thuộc các loài *Cucurbits pepo*, *C. mixta*, *C. maxima*, *C. moschata* và các giống lai, thuộc họ *Cucurbitaceae*, được tiêu thụ dưới dạng quả tươi.

Tiêu chuẩn này không áp dụng cho bí đỏ quả tươi dùng trong chế biến công nghiệp.

### 2 Yêu cầu về chất lượng

#### 2.1 Yêu cầu tối thiểu

Trong tất cả các hạng, tùy theo yêu cầu cụ thể cho từng hạng và dung sai cho phép, bí đỏ quả tươi phải:

- nguyên vẹn, còn cuống;
- tươi;
- sạch, hầu như không có bất kỳ tạp chất lạ nào nhìn thấy được bằng mắt thường;
- hầu như không có bất kỳ mùi và/hoặc vị lạ nào;
- đặc trưng cho giống;
- lành lặn, không bị dập nát hoặc hư hỏng đến mức không phù hợp cho sử dụng;
- hầu như không chứa sinh vật gây hại và hư hỏng ảnh hưởng đến hình thức bên ngoài của sản phẩm;
- hầu như không bị hư hỏng cơ học và/hoặc sinh lý học; và
- hầu như không bị ẩm ngoài vỏ, trừ khi bị ngưng tụ nước.

2.1.1 Bí đỏ quả tươi phải được thu hoạch khi đạt độ chín thích hợp nêu trong Phụ lục A, phù hợp với tiêu chí của vùng trồng.

## TCVN 12360:2018

Độ chín và tình trạng của bí đỏ quả tươi phải:

- chịu được vận chuyển và bốc dỡ; và
- đến nơi tiêu thụ với trạng thái tốt.

### 2.2 Phân hạng

Bí đỏ quả tươi được phân thành ba hạng như sau:

#### 2.2.1 Hạng “đặc biệt”

Bí đỏ quả tươi thuộc hạng này phải có chất lượng cao nhất, hầu như không có khuyết tật miễn là không ảnh hưởng đến hình thức bên ngoài, chất lượng, sự duy trì chất lượng và cách trình bày sản phẩm trong bao bì.

#### 2.2.2 Hạng I

Bí đỏ quả tươi thuộc hạng này phải có chất lượng tốt, cho phép có khuyết tật nhẹ về hình dạng và màu sắc miễn là không ảnh hưởng đến hình thức bên ngoài, chất lượng, sự duy trì chất lượng và cách trình bày sản phẩm trong bao bì.

#### 2.2.3 Hạng II

Bí đỏ quả tươi thuộc hạng này không đáp ứng được các yêu cầu trong các hạng cao hơn, nhưng phải đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu quy định trong 2.1. Bí đỏ thuộc hạng này phải có chất lượng tốt. Cho phép có các khuyết tật về hình dạng và màu sắc miễn là không ảnh hưởng đến hình thức bên ngoài, sự duy trì chất lượng và cách trình bày của sản phẩm trong bao bì.

## 3 Yêu cầu về kích cỡ

Kích cỡ được xác định theo khối lượng quả, phù hợp với Bảng 1 sau:

**Bảng 1 – Phân loại kích cỡ theo khối lượng quả**

Mã kích cỡ	Khối lượng, kg
1	lớn hơn 5
2	lớn hơn 4 đến 5
3	lớn hơn 3 đến 4
4	lớn hơn 2 đến 3
5	lớn hơn 1,5 đến 2,0
6	lớn hơn 1,0 đến 1,5
7	lớn hơn 0,5 đến 1,0
8	từ 0,2 đến 0,5

## 4 Yêu cầu về dung sai

Cho phép dung sai về chất lượng và kích cỡ quả trong mỗi bao gói sản phẩm (hoặc mỗi lô hàng sản phẩm ở dạng rời) không đáp ứng các yêu cầu của mỗi hạng quy định.

### 4.1 Dung sai về chất lượng

#### 4.1.1 Hạng “đặc biệt”

Cho phép 5 % số lượng hoặc khối lượng bí đỏ quả tươi không đáp ứng các yêu cầu của hạng “đặc biệt”, nhưng phải đạt chất lượng hạng I hoặc nằm trong giới hạn dung sai cho phép của hạng đó.

#### 4.1.2 Hạng I

Cho phép 10 % số lượng hoặc khối lượng bí đỏ quả tươi không đáp ứng các yêu cầu của hạng I nhưng phải đạt chất lượng hạng II hoặc nằm trong giới hạn dung sai cho phép của hạng đó.

#### 4.1.3 Hạng II

Cho phép 10 % số lượng hoặc khối lượng bí đỏ quả tươi không đáp ứng các yêu cầu của hạng II cũng như các yêu cầu tối thiểu, trừ sản phẩm bị thối hoặc hư hỏng bất kỳ khác.

### 4.2 Dung sai về kích cỡ

Đối với tất cả các hạng, cho phép 10 % số lượng hoặc khối lượng bí đỏ quả tươi không đáp ứng các yêu cầu về kích cỡ nhưng nằm trong cỡ trên và/hoặc cỡ dưới liền kề nêu trong Điều 3.

## 5 Yêu cầu về cách trình bày sản phẩm

### 5.1 Độ đồng đều

Lượng bí đỏ quả tươi chứa trong mỗi bao gói (hoặc lô sản phẩm để rời) phải đồng đều và chỉ gồm các quả có cùng giống, xuất xứ, chất lượng, độ chín và kích cỡ. Phần quan sát được của sản phẩm có trong bao gói (hoặc trong lô sản phẩm để rời) phải đại diện cho toàn bộ bao gói.

### 5.2 Bao gói

Bí đỏ quả tươi phải được bao gói và sắp xếp để bảo vệ sản phẩm một cách thích hợp. Vật liệu được sử dụng bên trong bao gói phải sạch và có chất lượng tốt để tránh được mọi nguy cơ hư hại bên trong hoặc bên ngoài sản phẩm. Cho phép sử dụng vật liệu giấy hoặc tem liên quan đến các yêu cầu thương mại miễn là việc in nhãn hoặc dán nhãn phải sử dụng mực in hoặc keo dán không độc.

Bí đỏ quả tươi cần được đóng gói trong mỗi bao bì phù hợp với TCVN 9770 (CAC/RCP 44) *Quy phạm thực hành bao gói và vận chuyển rau, quả tươi*.

## **TCVN 12360:2018**

### **5.2.1 Quy định về bao bì**

Bao bì phải đảm bảo chất lượng, vệ sinh, thông thoáng và bền, thích hợp cho việc bốc dỡ, vận chuyển và bảo quản bí đỏ quả tươi. Bao bì (hoặc lô sản phẩm để rời) không được có tạp chất và mùi lạ.

## **6 Dán nhãn hoặc ghi nhãn**

### **6.1 Bao gói bán lẻ**

Ngoài các yêu cầu của TCVN 7087 (CODEX STAN 1) *Ghi nhãn thực phẩm bao gói sẵn*, cần áp dụng các yêu cầu cụ thể như sau:

#### **6.1.1 Tên sản phẩm**

Mỗi bao gói phải được dán nhãn ghi rõ tên của sản phẩm và có thể ghi tên giống và/hoặc hạng thương mại trên nhãn.

### **6.2 Bao gói sản phẩm không dùng để bán lẻ**

Mỗi bao gói sản phẩm phải bao gồm các yêu cầu dưới đây: các chữ phải được tập trung về một phía, dễ đọc, không tẩy xóa được và có thể nhìn thấy từ bên ngoài hoặc phải có tài liệu kèm theo lô hàng. Đối với sản phẩm được vận chuyển với khối lượng lớn thì phải được ghi rõ trong tài liệu kèm theo lô hàng.

#### **6.2.1 Dấu hiệu nhận biết**

Tên và địa chỉ nhà xuất khẩu, nhà đóng gói và/hoặc người gửi hàng. Mã nhận biết (nếu có).

#### **6.2.2 Tên sản phẩm**

Tên của sản phẩm, tên giống và/hoặc hạng thương mại.

#### **6.2.3 Nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm**

Nước xuất xứ, tùy chọn và vùng trồng hoặc tên quốc gia, khu vực hoặc địa phương.

#### **6.2.4 Nhận biết về thương mại**

- tên sản phẩm;
- tên giống (tùy chọn);
- hạng sản phẩm;
- kích cỡ;
- số lượng quả (tùy chọn);

– khối lượng tịnh (tùy chọn).

#### 6.2.5 Dấu kiểm tra (tùy chọn).

### 7 Chất nhiễm bẩn

#### 7.1 Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật

Sản phẩm quy định trong tiêu chuẩn này phải tuân thủ mức giới hạn tối đa cho phép về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật theo quy định hiện hành.

#### 7.2 Chất nhiễm bẩn khác

Sản phẩm quy định trong tiêu chuẩn này phải tuân thủ giới hạn tối đa cho phép về kim loại nặng theo quy định hiện hành.

### 8 Vệ sinh

8.1 Sản phẩm quy định trong tiêu chuẩn này cần được sơ chế và xử lý theo các quy định tương ứng của TCVN 5603 (CAC/RCP 1) *Quy phạm thực hành về những nguyên tắc chung đối với vệ sinh thực phẩm* và các tiêu chuẩn khác có liên quan như quy phạm thực hành, quy phạm thực hành vệ sinh.

8.2 Sản phẩm phải tuân thủ các tiêu chí vi sinh được thiết lập theo TCVN 9632 (CAC/GL 21) *Nguyên tắc thiết lập và áp dụng các tiêu chí vi sinh đối với thực phẩm*.

### 9 Phương pháp phân tích và lấy mẫu

Phương pháp phân tích và lấy mẫu được sử dụng để đánh giá các yêu cầu của tiêu chuẩn này theo CODEX STAN 234 *Recommended methods of analysis and sampling (Các phương pháp khuyến cáo về phân tích và lấy mẫu)*.

**Phụ lục A**  
(Tham khảo)

**Hình minh họa về các giai đoạn chín của bí đỏ quả tươi**

**Quả non**

Quả non là quả có vỏ mềm, hạt chưa phát triển đầy đủ, mềm và không có xơ.

**Quả chín**

Quả chín là quả vẫn còn cuống đã đạt được kích cỡ tối đa của từng giống, có màu và chắc, nặng, có phần trắng trên bề mặt quả.





**Phụ lục B**  
(Tham khảo)

**Tên gọi của bí đỏ quả tươi trong khối ASEAN**

<b>Quốc gia</b>	<b>Tên gọi</b>
Brunei	Labu Labu Kuning
Campuchia	Lapoeu
Indonesia	Labu Kuning Labu Parang Kaboca
Lào	Mak Erk
Malaysia	Labu manis Labu punggĳ
Myanmar	Pha Yon Thee Shwe Pha Yon Thee
Phillipin	Kalabasa
Thái Lan	FarkTong
Việt Nam	Bí ngô Bí đỏ

Thư mục tài liệu tham khảo

- [1] Department of Agriculture and Agrifood - Ministry of industry and Primary Resources Brunei Darussalam. Standard for Pumpkin. 2011
  - [2] Malaysian Standard - Fresh Pumpkin (*Cucurbits Moschata*) - Specification: MS 2403-2011
  - [4] Philippine National Standard- Fresh Vegetables - Squash-Grading and Classification. PNS/BAFPS 77:2009.
  - [5] Thai Agricultural Standard for Pumpkin (TAS 1513:2012)
  - [6] ASEAN Harmonized MRLs for Pesticides.
-